

Số: 261/CTr-UBND

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Chương trình hành động số 18/CTr-TU ngày 20/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Chương trình hành động số 18/CTr-TU ngày 20/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động) thể hiện rõ những nội dung, nhiệm vụ, giải pháp, đề án, chương trình, lộ trình triển khai thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể để cụ thể hoá các quan điểm, đường lối, định hướng và chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm phù hợp với tình hình thế giới, trong nước gắn với điều kiện cụ thể của tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời gian tới.

2. Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh là căn cứ để các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn toàn tỉnh xây dựng Chương trình/Kế hoạch hành động của Sở, ngành, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, nỗ lực phấn đấu cao nhất để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và theo Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ; Chương trình số 18/CTr-TU ngày 20/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ và Chương trình 18/CTr-TU ngày 20/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phải nghiêm túc quán triệt các nguyên tắc, quan điểm lãnh chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; trong đó đặc biệt chú trọng đến 10 nhiệm vụ chủ yếu đã được Chính phủ xác định tại Nghị quyết số 41/NQ-CP và các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế, khoa học công

nghệ, bảo vệ môi trường, kết cấu hạ tầng, văn hóa, xã hội, con người và công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại đã được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xác định tại Chương trình 18/CTr-TU ngày 20/3/2026 nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, toàn diện và bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh; không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của Nhân dân; tự tin cùng cả nước tiến mạnh trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc; đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030 và đến năm 2045 là thành phố xanh, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc; đóng góp quan trọng để thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 đưa nước ta trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao vì một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về phát triển toàn diện các ngành kinh tế

1.1. Giao Sở Tài chính, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng trên tư duy và tầm nhìn đối với không gian phát triển mới. Tập trung xây dựng, hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách, kiên quyết tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông các nguồn lực, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực theo mô hình mới để thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững.

1.2. Giao Sở Công Thương, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ngành, cơ quan, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh, Công ty Điện lực tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao để chủ trì tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; phát triển mạnh mẽ các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp dữ liệu, ưu tiên hình thành và phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp chiến lược, công nghiệp mới nổi tập trung vào việc làm chủ công nghệ lõi, chế tạo sản phẩm công nghệ cao, nâng cao năng lực cạnh tranh đưa Bắc Ninh trở thành một trung tâm sản xuất chất bán dẫn, công nghiệp hỗ trợ, trí tuệ nhân tạo của miền Bắc và cả nước. Thúc đẩy chuỗi liên kết, sản xuất, phát triển công nghiệp nội địa; đẩy mạnh chuyển đổi số - chuyển đổi xanh trong công nghiệp hướng tới phát triển bền vững; phát triển khu, cụm công nghiệp và tăng cường liên kết ngành, liên kết vùng cho phát triển công nghiệp.

Đẩy nhanh tiến độ thành lập, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp kết nối thuận lợi với các cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh, cửa khẩu phía Bắc và khu vực Tây Bắc gắn với các cảng thủy nội địa, ga đường sắt và các tuyến đường tốc độ cao. Nghiên cứu phát triển một số mô hình khu, cụm công nghiệp đặc thù; thu hút theo hướng có chọn lọc các nhà đầu tư lớn với cam kết lâu dài, công nghệ hiện đại. Tham mưu cơ chế, chính sách đặc thù thu hút các chuyên gia, kỹ sư công nghệ cao.

Ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng điện lực, bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất. Chủ động rà soát, nắm bắt tình hình hoạt động của các doanh nghiệp để kịp thời hỗ trợ, giải quyết nhanh những đề xuất, kiến nghị, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất.

1.3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông thôn theo chiều sâu, bền vững; phát huy lợi thế, vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, thương mại điện tử. Khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại các khu, vùng ven đô gắn với thị trường tiêu dùng đô thị và xuất khẩu. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến sâu trong nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển chuỗi giá trị bền vững.

Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn... thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng gắn với du lịch sinh thái, bảo vệ môi trường. Đa dạng các nguồn lực để xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, đê điều, hồ đập, kênh mương, tưới tiêu, công trình nước sạch phục vụ phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới toàn diện, bền vững, gắn với đô thị hóa; ưu tiên nguồn lực cho phát triển sản xuất, nâng cao đời sống dân cư nông thôn, quan tâm các xã khó khăn.

Phát triển các khu dân cư nông thôn xanh, sinh thái, bền vững, có khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP). Tập trung hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao theo đúng chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh.

1.4. Giao Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 12, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển mạnh mẽ các hoạt động thương mại - dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại, đa dạng, đồng bộ và bền vững; hiện đại hoá hệ sinh thái các ngành dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh và chất lượng cao.

Nghiên cứu, triển khai các giải pháp đưa Bắc Ninh trở thành cứ điểm logistics lớn, đạt chuẩn quốc tế, hình thành khu thương mại tự do phi thuế quan thế hệ mới, là đầu mối vận chuyển hàng hóa hàng không, cửa ngõ, trung tâm tiếp vận, cung ứng, trung chuyên quốc tế, vận tải, kho bãi, vui chơi, giải trí, thể thao golf... của khu vực. Tăng cường thu hút nguồn lực phát triển hệ thống hạ tầng dịch vụ vận tải đa phương thức; hệ thống giao thông công cộng thông minh, giao thông xanh. Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm du lịch, trở thành điểm đến du lịch văn hóa - tâm linh - sinh thái đặc sắc của miền Bắc.

1.5. *Giao Sở Tài chính, Thuế tỉnh, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh tập trung nghiên cứu, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, tạo nguồn tăng thu ngân sách nhà nước ổn định, vững chắc.*

1.6. *Giao Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 12, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường quản lý hệ thống tổ chức tín dụng an toàn, vững mạnh, minh bạch, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, quản trị thông minh để nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng của nền kinh tế và phục vụ các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ mua nhà ở xã hội, giải quyết việc làm, thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.*

1.7. *Giao Sở Tài chính, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh tập trung tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước. Phát huy vai trò chủ đạo, tiên phong, định hướng của kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển; đẩy mạnh quá trình phát triển nhanh, bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh; thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống người dân; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển.*

Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch số 11-KH/TU ngày 28/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030. Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế tư nhân; xây dựng đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân cả về số lượng và chất lượng. Phấn đấu đến năm 2030 có 85.000 doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, trong đó có ít nhất 02 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, 15 tập đoàn tư nhân nằm trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân đạt khoảng 13-14%/năm, đóng góp khoảng 55-58% GRDP của tỉnh; kinh tế tư nhân đóng góp khoảng 35-40% tổng thu ngân sách tỉnh, giải quyết việc làm khoảng 84-85% tổng số lao động; năng suất lao động tăng bình quân khoảng 10-12%/năm; vốn đầu tư khu vực kinh tế tư nhân chiếm khoảng 38-40% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển. Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp FDI. Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh. Đề cao đạo đức kinh doanh, phát huy trách nhiệm xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần kinh doanh.

1.8. *Giao Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho các doanh nghiệp được tiếp cận vốn, đất đai, các chính sách ưu đãi và*

nguồn lực phát triển khác; triển khai các giải pháp duy trì thứ hạng chỉ số PCI trong nhóm các tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Nghiên cứu cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến, thu hút đầu tư vốn FDI gắn với hoạt động chuyên giao công nghệ cao, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp trong nước, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh thâm nhập, mở rộng, đa dạng hóa thị trường trong và ngoài nước.

2. Về nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

2.1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản; xử lý lấn chiếm, đất giao, bán trái thẩm quyền và đất dân cư dịch vụ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên, khoáng sản, đất đai, nhà ở, bất động sản... Hoàn thiện dữ liệu bản đồ quy hoạch đất đai trên địa bàn tỉnh.

2.2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp chủ động nghiên cứu, sửa đổi và trình ban hành các cơ chế đất đai có tính chất đặc thù song vẫn đúng với quy định của pháp luật, trong đó cần tập trung vào giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng và định giá đất sát giá thị trường, thu hồi đất và tháo gỡ cơ bản các điểm nghẽn về đất đai và quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, minh bạch thủ tục và thu hút đầu tư, bao gồm việc quy định chi tiết về đấu giá, bồi thường và xử lý đất xen kẹt. Xây dựng và trình ban hành các chính sách đặc thù về bồi thường, giải phóng mặt bằng, đảm bảo quyền lợi người dân và tạo sinh kế bền vững tại các dự án trọng điểm quốc gia, các dự án có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp tham mưu việc bố trí quỹ đất phù hợp, dài hạn để triển khai xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, bảo đảm định hướng trở thành sân bay trung chuyển khu vực và quốc tế.

Tham mưu ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư các công trình xử lý môi trường khu vực nông thôn, làng nghề, hoàn thành việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường theo lộ trình, kế hoạch. Xây dựng Đề án tổng thể bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030.

2.4. Giao Sở Xây dựng chủ trì, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, các Sở, ngành và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp nghiên cứu, đề xuất việc đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đối với các đô thị chưa có hệ thống xử lý đạt chuẩn theo quy định.

2.5. *Giao Sở Công Thương chủ trì, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, các Sở, ngành và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp* việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường đối với các cụm công nghiệp đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

2.6. *Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp* xây dựng kế hoạch chủ động phòng, tránh thiên tai, các giải pháp thích ứng, đối phó với những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; tập trung vào việc rà soát các khu vực nguy cơ cao (đặc biệt tại các khu vực ven sông, miền núi), củng cố hạ tầng đê điều và sẵn sàng phương án "4 tại chỗ", cảnh báo sớm, rà soát di dời dân cư và đầu tư hạ tầng, nâng cao năng lực ứng phó. Nghiên cứu đề có phương án bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các địa bàn thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất.

2.7. *Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Dân tộc và Tôn giáo, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp* nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn gắn liền với mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và chuyển đổi số; sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải; cụ thể hóa trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR), ưu đãi tín dụng xanh và đơn giản hóa thủ tục đầu tư cho các dự án tái chế, tái sử dụng chất thải, nhằm giảm khai thác tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

Tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường các-bon; nghiên cứu để triển khai thí điểm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong các ngành, lĩnh vực tiềm năng và thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế.

3. Về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

3.1. *Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp* tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 11/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, tổ chức rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật để tháo gỡ những điểm nghẽn, rào cản về cơ chế chính sách và quy hoạch, kế hoạch cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Định vị Bắc Ninh là thành phố mới, năng động, sáng tạo, ưu tiên đột phá về phát triển khoa học và công nghệ; là trung tâm việc làm công nghệ số, phát triển khu đô thị công nghiệp đại học gắn với các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và triển khai.

3.2. *Giao Sở Tài chính chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp* nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư; đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa

cho người dân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo, phát triển và chuyên giao công nghệ. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; phong trào “Bình dân học vụ số”. Phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu lớn bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ và khai thác phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

4. Về tập trung đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng, thực hiện mục tiêu đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030

4.1. Giao Sở Tài chính, Sở Xây dựng chủ trì, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh rà soát, điều chỉnh đồng bộ, bài bản quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; hình thành các cực, trung tâm kinh tế trọng điểm tạo động lực tăng trưởng mới; tăng cường kết nối nội tỉnh và kết nối giữa tỉnh Bắc Ninh với Vùng thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận.

4.2. Giao Sở Tài chính chủ trì, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp nghiên cứu, đẩy nhanh tiến độ lập Đề án thành lập và phát triển khu thương mại tự do thế hệ mới có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình.

4.3. Giao Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh nghiên cứu đề xuất quy hoạch làm căn cứ sớm triển khai việc thành lập các khu logistics hàng không, khu kinh tế chuyên biệt, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ số tập trung, các công trình thương mại - dịch vụ, giải trí và các không gian chuyên đề liên quan trong quá trình điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, lập Quy hoạch chung đô thị và các quy hoạch khác có liên quan.

4.4. Giao Sở Tài chính chủ trì, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh tập trung nghiên cứu, thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; xây dựng cơ chế, tham mưu ban hành chính sách đột phá để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực theo mô hình mới như "lãnh đạo công - quản trị tư", "đầu tư công - quản lý tư", "đầu tư tư - sử dụng công" và các hình thức hợp tác công - tư khác... Rà soát, xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, trong đó, tập trung đầu tư các công trình, dự án trọng tâm, trọng điểm vào các lĩnh vực then chốt như giao thông, đô thị, công nghiệp, khoa học công nghệ, giáo dục, y tế... theo định hướng lớn của tỉnh đáp ứng tiêu chí đô thị loại I và trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

4.5. *Giao Sở Tài chính, Sở Xây dựng, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh* phối hợp chặt chẽ để đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm hoàn thành theo kế hoạch, đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả các công trình trọng điểm quốc gia trên địa bàn, như: Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, đường Vành đai 4, Vành đai 5, đường kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với Thủ đô Hà Nội, với trung tâm hành chính - chính trị tỉnh, đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh, đường sắt đô thị, chỉnh trị một số tuyến đường thủy nội địa... hình thành các hạ tầng giao thông khung đô thị để kết nối và hình thành các vùng động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các vùng, địa bàn.

Tăng cường thu hút đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân vào phát triển các công trình, dự án giao thông, đô thị trọng điểm, quy mô lớn, các công trình có tính “biểu tượng” góp phần định vị hình ảnh của “thành phố Bắc Ninh” trực thuộc Trung ương.

Xây dựng, hoàn thiện, phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng số, hạ tầng đô thị thông minh, đô thị xanh phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Thí điểm để đánh giá, làm cơ sở mở rộng, phát triển mạnh mẽ mô hình kinh tế không gian tầm thấp tại Bắc Ninh.

4.6. *Giao Sở Xây dựng chủ trì, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh* phối hợp tập trung rà soát, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định, giải pháp đột phá thúc đẩy phát triển đô thị và kinh tế đô thị; thị trường bất động sản. Đẩy mạnh việc xây dựng nhà ở xã hội, theo mục tiêu Thủ tướng Chính phủ giao giai đoạn 2026-2030 hoàn thành 120.000 căn hộ nhà ở xã hội trên địa bàn.

5. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, con người

5.1. *Giao Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh* phối hợp triển khai quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW để phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng vững chắc và sức mạnh nội sinh của dân tộc gắn kết chặt chẽ, phát triển mạnh mẽ, toàn diện giá trị văn hóa, con người Bắc Ninh hướng đến những giá trị “chân - thiện - mỹ”, thấm nhuần tinh thần dân tộc, bản sắc quê hương, trở thành một động lực quan trọng, sức mạnh nội sinh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bền vững; bảo đảm các quyền lợi về y tế, văn hóa, giáo dục và an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Khai thác lợi thế đặc thù là "miền di sản" để phát triển mạnh mẽ văn hóa song song với công nghiệp, hướng tới sự thịnh vượng kinh tế và đặc sắc văn hóa Bắc Ninh – Kinh Bắc. Nghiên cứu, triển khai đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh phát triển “*công nghiệp văn hóa*” gắn với chiến lược ngoại giao văn hóa, quảng bá hình ảnh của tỉnh, xây dựng môi quan hệ liên tỉnh hợp tác và xác định sản phẩm chủ lực, xây dựng thương hiệu, đặc biệt là điểm nhấn về dân ca Quan họ, làng nghề truyền thống, lễ hội dân gian, tài nguyên văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc.

Xây dựng Đề án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; chuyển hóa di sản thành động lực kinh tế bền vững, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao chất lượng nhân lực và lan tỏa cốt cách con người vùng Kinh Bắc.

Đẩy mạnh xã hội hóa thể dục thể thao, phát triển thể thao thành tích cao; các môn Olympic, môn thể mạnh, các loại hình kinh tế thể thao, kết hợp dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, sân golf... Nâng cao chất lượng công tác báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình.

5.2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp thực hiện nghiêm túc Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 06-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường học các cấp theo hướng chuẩn hóa, hiện đại, phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và cơ cấu, đồng đều về chất lượng giữa các vùng, khu vực để nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục, đào tạo; tăng cường việc dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn; ưu tiên nguồn lực, thể chế và chuyển đổi số, gắn đào tạo với nhu cầu nhân lực số và công nghiệp công nghệ cao của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; phát triển và mở rộng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục và đào tạo; tăng cường đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM.

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh rà soát, nghiên cứu, xây dựng đề trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi, khuyến khích sự tham gia mạnh mẽ hơn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực của doanh nghiệp, cộng đồng và các tổ chức xã hội vào công cuộc xã hội hoá phát triển hệ thống cơ sở giáo dục ngoài công lập các cấp trên địa bàn.

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, xây dựng đề sớm trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách ưu tiên khuyến khích, thu hút, phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường đại học đẳng cấp quốc tế, hình thành trung tâm nghiên cứu và chuyển giao... Xây dựng, triển khai Chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, trong đó đặc biệt ưu tiên nguồn lực, chính sách vượt trội để đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhanh và đủ cả về số lượng và chất lượng, chú trọng đội ngũ cán bộ quản lý và nguồn nhân lực cho các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi như trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn, công nghệ số...

5.3. Giao Sở Y tế chủ trì, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 21/11/2025 của UBND tỉnh thực hiện chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 05/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện

Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Nâng cao năng lực, hiện đại hoá hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, phát huy thế mạnh y học cổ truyền; tăng cường giám sát dịch tễ, khống chế kịp thời, hiệu quả các dịch bệnh, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi và sử dụng hiệu quả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển. Nâng cao toàn diện chất lượng dân số, thích ứng với già hoá dân số. Đẩy mạnh thực hiện cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, số sức khỏe điện tử của người dân trên địa bàn tỉnh.

Giao Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh nghiên cứu và có lộ trình phát triển một số cơ sở khám chữa bệnh cấp tỉnh thành bệnh viện cấp chuyên sâu được giao chức năng vùng; quy hoạch để hình thành khu phức hợp y tế chuyên sâu trong tương lai. Tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp các cơ sở y tế theo hướng chuyên sâu, hiện đại, nâng cao tỷ lệ giường bệnh, bác sĩ. Từng bước rút ngắn khoảng cách chênh lệch về tiếp cận dịch vụ y tế giữa khu vực thành thị, nông thôn và miền núi.

Giao Sở Y tế, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh triển khai y tế kỹ thuật cao, sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm, vacxin, thiết bị y tế gắn với du lịch y tế. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế ngoài công lập, hoạt động sản xuất, kinh doanh dược, mỹ phẩm, thiết bị y tế, an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

5.4. Giao Sở Nội vụ chủ trì, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Y tế, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp tiếp tục triển khai hiện đại hoá và nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu, quản lý lao động, tạo việc làm và giao dịch, giải quyết việc làm dựa trên nền tảng số, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho người dân.

Tiếp tục tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi, chăm lo, tri ân người có công với cách mạng và gia đình, thân nhân liệt sĩ nhằm phát huy truyền thống "Uống nước nhớ nguồn", nâng cao chất lượng cuộc sống cho người có công trên địa bàn.

5.5. Giao Sở Y tế chủ trì, Sở Nội vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chính sách an sinh và phúc lợi xã hội; tiếp tục nâng cao hệ thống trợ giúp xã hội. Huy động mọi nguồn lực hợp pháp để tiếp tục quan tâm, hỗ trợ, nâng cao đời sống cho đối tượng bảo trợ xã hội, ưu tiên hỗ trợ cho người đặc biệt yếu thế.

5.6. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nội vụ, Sở Y tế, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp nghiên cứu, xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các khu vực đặc biệt khó khăn, phân đấu tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030)

duy trì mức giảm 1 - 1,5 điểm %/năm; trong đó đến năm 2027 trên địa bàn tỉnh không còn hộ nghèo (theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025).

5.7. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Y tế, Sở Tài chính, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp chú trọng phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp tục nghiên cứu ban hành chính sách riêng của tỉnh để đầu tư, hỗ trợ, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tuyên truyền, vận động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn, cây bản địa, tăng diện tích rừng kinh tế được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế (FSC); nghiên cứu chuyển một phần diện tích rừng trồng sang rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo đúng quy hoạch, kết hoạch, phát triển du lịch rừng... gắn với tạo sinh kế mới và nâng cao đời sống nhân dân.

Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở về nơi sinh sống tập trung.

6. Về việc rà soát, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách

Giao Sở Tư pháp chủ trì, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp tích cực triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới gắn với thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới để kịp thời tham mưu, hoàn thiện hệ thống các cơ chế, chính sách của tỉnh được đầy đủ, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, toàn diện và bền vững.

7. Bảo đảm quốc phòng quân sự địa phương, an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội và đẩy mạnh công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

7.1. Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp chú trọng đầu tư ngân sách xây dựng thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ tỉnh; đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng chính quy, quản lý kỷ luật, bảo đảm tốt hậu cần - kỹ thuật; phát huy dân chủ, đoàn kết, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Thực hiện tốt chính sách đối với lực lượng vũ trang và hậu phương quân đội, chính sách nhà ở cho cán bộ, chiến sĩ quân đội và công an trên địa bàn tỉnh; quan tâm chăm lo bảo đảm cơ sở vật chất cho sinh hoạt, học tập, công tác và nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang tỉnh; đầu tư mở rộng trụ sở làm việc cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và các đơn vị trực thuộc; từng

bước xây dựng lực lượng dân quân thường trực và trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự cấp xã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Hoàn thành việc đào tạo cao cấp lý luận chính trị và trình độ đại học ngành quân sự cơ sở cho Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã. Đẩy mạnh xây dựng lực lượng tự vệ, thành lập Ban chỉ huy quân sự trong các doanh nghiệp; xác định các nhà máy sẵn sàng sản xuất phục vụ quốc phòng khi có tình huống.

7.2. Giao Công an tỉnh chủ trì, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để nhận diện sớm, chủ động dự báo đúng tình hình; tăng cường các giải pháp bảo vệ an ninh chế độ, an ninh kinh tế, an ninh tài chính, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh thực phẩm; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên trong.

Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp kéo giảm tội phạm; xây dựng xã, phường không ma túy trên địa bàn tỉnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự. Tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy; kiểm chế, kéo giảm tai nạn giao thông, cháy, nổ; xây dựng “Tỉnh an toàn giao thông”.

Xây dựng lực lượng Công an tỉnh trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại theo hướng “tỉnh toàn diện, xã vững mạnh, bám cơ sở”. Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, công cụ hỗ trợ cho lực lượng Công an. Huy động hiệu quả mọi nguồn lực xây dựng nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân vững mạnh, toàn diện, xuyên suốt, chặt chẽ và xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh, rộng khắp, ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ.

Tiếp tục tham mưu, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kết luận số 82-KL/TW ngày 07/6/2024 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế và đối ngoại Công an nhân dân đến năm 2030 và những năm tiếp theo; Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 23/7/2023 của Bộ Chính trị về “Bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng”.

7.3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, Sở Tài chính, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh phối hợp thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Đề án số 06-ĐA/TU ngày 05/02/2026 của Tỉnh uỷ về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 – 2030. Chú trọng quảng bá, xây dựng hình ảnh nhằm nâng cao, khẳng định vị thế, thương hiệu của địa phương; đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế và các hình thức ngoại giao mới về khoa học công nghệ, văn hoá, công thương, huy động tối đa các nguồn lực phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đi vào chiều sâu – thực chất. Tăng cường hợp tác, thúc đẩy phát triển với các tỉnh giáp ranh; thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác với một số địa phương của các nước trong khu vực và trên thế giới.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Nghị quyết Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, Chương trình số 18/CTr-TU ngày 20/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, có trách nhiệm xây dựng, ban hành chương trình/kế hoạch thực hiện thuộc phạm vi quản lý, trong đó phải thể hiện bằng các đề án, chương trình, giải pháp, nhiệm vụ, lộ trình triển khai thực hiện gắn với phân công trách nhiệm cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh **trong tháng 4/2026**, đồng gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, Chương trình số 18/CTr-TU ngày 20/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chương trình hành động này và các chương trình/kế hoạch của Sở, ngành, cơ quan và các địa phương; hoàn thành và vượt các mục tiêu, chỉ tiêu ngành, lĩnh vực, chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và các nhiệm vụ **được giao tại các Phụ lục kèm theo**. Trong quá trình tổ chức thực hiện đặc biệt lưu ý cần quán triệt thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và phương thức lãnh đạo của Đảng, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tăng cường đoàn kết, phát huy dân chủ gắn với giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương; nâng cao chất lượng dự báo, kịp thời ứng phó chủ động, linh hoạt với diễn biến tình hình và các tình huống phát sinh. Quyết tâm thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này và chương trình/kế hoạch của từng Sở, ngành, cơ quan và địa phương; định kỳ hằng năm đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính để theo dõi và tổng hợp theo quy định. Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động này của Ủy ban nhân dân tỉnh, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh và cần phải sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể, các Sở, ngành, cơ quan và địa phương chủ động báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, đồng gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ hằng năm báo cáo và đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và hiệu quả Chương trình hành động này. Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng đề nghị các cơ quan của Đảng, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể tăng

cường giám sát, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chính quyền địa phương trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình này của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chương trình/kế hoạch của các Sở, ngành, cơ quan, địa phương.

4. Giao Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, các Sở, ngành, cơ quan, Báo và Đài phát thanh, truyền hình Bắc Ninh và UBND các xã, phường phối hợp đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền tạo sự thống nhất, đồng thuận cao trong toàn xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể Nhân dân để phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của tỉnh đã đề ra theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của Đất nước theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ XIV của Đảng./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng (b/c);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Các đồng chí Thành viên UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: THĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

Phụ lục I:
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
GIAI ĐOẠN 2026-2030

*(Kèm theo Chương trình hành động số 261/CTr-UBND ngày 31/3/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
A	Chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030 (23 chỉ tiêu)	
I	Về kinh tế	
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 11 - 12%/năm. <i>Trong đó:</i>	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh
1.1.	<i>Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân tăng 1 - 1,5%/năm</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thống kê tỉnh
1.2.	<i>Khu vực Công nghiệp và Xây dựng bình quân tăng 12,1 - 13,3%/năm</i>	
	- <i>Công nghiệp bình quân tăng 12 - 13,3%/năm</i>	Sở Công Thương; Thống kê tỉnh
	- <i>Xây dựng bình quân tăng 13,7 - 14,2%/năm</i>	Sở Xây dựng; Thống kê tỉnh
1.3.	<i>Khu vực Dịch vụ bình quân tăng 8,5 - 9,2%/năm</i>	Sở Tài chính; Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Sở Văn hoá, TT&DL; Sở Khoa học và Công nghệ; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 12
1.4	<i>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm bình quân tăng 9,0 - 10,0%</i>	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh; Thuế tỉnh; Chi cục Hải quan khu vực V.
2	GRDP bình quân đầu người đạt 8.700 – 8.200 USD	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh
3	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt 10%/năm	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh
4	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP đạt 35-40%	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh
5	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) giai đoạn 2026 – 2030 đạt 3,0 – 3,5	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh
6	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt khoảng 45%	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
7	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 2026 – 2030 đạt 1.090 tỷ USD	Sở Công Thương; Chi Cục Hải quan khu vực V
8	Giai đoạn 2026 – 2030, thu ngân sách nhà nước đạt 375.700 tỷ đồng; chi ngân sách địa phương đạt 279.000 tỷ đồng.	Sở Tài chính
9	Tỷ lệ đô thị đạt 65%	Sở Xây dựng
10	Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị đạt 25%	Sở Xây dựng
II	Về xã hội	
1	Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,8	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh
2	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 75,5 tuổi; trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm	Sở Y tế
3	Thu nhập bình quân đầu người đạt 7,84 triệu đồng/tháng	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh
4	Đến hết năm 2027, toàn tỉnh không còn hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025)	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 đạt trên 55%	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Số giường bệnh bình quân 10.000 dân đạt 40 giường; Số bác sĩ bình quân 10.000 dân đạt 19 người	Sở Y tế
7	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 90%, trong đó: tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 42%. Lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90%	Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo
III	Về môi trường	
1	Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 96,4% (trong đó, đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 93,8%)	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Tỷ lệ chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom và xử lý theo quy định đạt 100%; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 98,5%	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Ban quản lý các KCN tỉnh
3	100% các khu, cụm công nghiệp trước khi đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Cơ bản không còn điểm, khu vực ô nhiễm môi trường gây bức xúc trong khu dân cư và cộng đồng, đặc biệt ở các làng nghề	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban quản lý các KCN tỉnh
4	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt trên 98%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả) đạt 30,65%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
IV	Về An ninh	
1	Có ít nhất 50% xã, phường không có ma túy	Công an tỉnh
A	Chỉ tiêu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ XIV của Đảng trong giai đoạn 2026 – 2030 (9 chỉ tiêu)	

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
I	Về kinh tế	
1	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm giai đoạn 2026 – 2030 khoảng 47% GRDP	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh
2	Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030 đạt 35% GRDP;	Sở Tài chính
3	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt trên 55%	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ
4	Phân đầu đạt mức tiết kiệm năng lượng từ 8,0-10,0% tổng tiêu thụ năng lượng toàn tỉnh so với kịch bản phát triển bình thường	Sở Công Thương; Công ty Điện lực Bắc Ninh
II	Về xã hội	
1	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 75,5 tuổi; trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm	Sở Y tế
2	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) duy trì mức giảm 1 - 1,5 điểm %/năm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm đạt 100%	Sở Y tế
4	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế: Đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân	Sở Y tế; Bảo Hiểm xã hội tỉnh
III	Về môi trường	
1	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt 65 - 70%	Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phụ lục II:**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG***(Kèm theo Chương trình hành động số 261/CTr-UBND ngày 31/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Thời gian Thực hiện	Cơ quan ban hành/trình cấp trên
I	Công tác xây dựng chính quyền				
1	Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý I-II/2026	UBND tỉnh
II	Lĩnh vực kinh tế				
1	Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển kinh tế tư nhân	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý II/2026	UBND tỉnh
2	Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 tầm nhìn đến 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý II-III/2026	UBND tỉnh
3	Kế hoạch xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý I-II/2026	UBND tỉnh
4	Đề án thành lập Thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương và thành lập các phường thuộc Thành phố Bắc Ninh	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý III-IV/2028	UBND tỉnh
5	Đề án thành lập các Phường thuộc tỉnh Bắc Ninh	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý III-IV/2026	UBND tỉnh
6	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý II-III/2026	UBND tỉnh
7	Đề án Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý IV/2026 - I/2027	UBND tỉnh

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Thời gian Thực hiện	Cơ quan ban hành/trình cấp trên
8	Chương trình phát triển đô thị Bắc Ninh	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý I/2027	UBND tỉnh
9	Đề án phân loại đô thị tỉnh Bắc Ninh	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý II/2028	UBND tỉnh
10	Đề án tổng thể bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý II/2026	UBND tỉnh
11	Kế hoạch thực hiện các đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý I-II/2026	UBND tỉnh
12	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý I-II/2026	UBND tỉnh
III	Lĩnh vực văn hóa - xã hội				
1	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển Văn hoá Việt Nam và Nghị quyết của Tỉnh uỷ về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý II/2026	UBND tỉnh
2	Đề án tổng thể phát triển du lịch tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý II/2026	UBND tỉnh
3	Chương trình phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý I-II/2026	UBND tỉnh
4	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý I-II/2026	UBND tỉnh

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Thời gian Thực hiện	Cơ quan ban hành/trình cấp trên
5	Tập trung tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 21/11/2025 của UBND tỉnh thực hiện chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 05/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.	Sở Y tế	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	2026 - 2030	
IV	Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại				
1	Chương trình/Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ xây dựng tỉnh Bắc Ninh an toàn, thân thiện, hội nhập	Công an tỉnh, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Trung tâm Hành chính công tỉnh	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	2026 - 2030	UBND tỉnh
2	Đề án/Chương trình/Kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ huy quân sự cấp xã, xây dựng lực lượng dân quân thường trực và lực lượng tự vệ trong các doanh nghiệp	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý II-III/2026	UBND tỉnh
3	Kế hoạch triển khai Đề án số 06-ĐA/TU ngày 05/02/2026 về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành, cơ quan và UBND các xã, phường có liên quan	Quý I-II/2026	UBND tỉnh

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Thời gian Thực hiện	Cơ quan ban hành/trình cấp trên
V	<p>Đối với các nhiệm vụ do các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương chủ trì thực hiện liên quan đến “Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển; xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới”: Giao các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị trên địa bàn căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp chặt chẽ, nghiêm túc đảm bảo cả về tiến độ và chất lượng theo đúng yêu cầu/đề nghị của các Bộ, ngành, cơ quan chủ quản ở Trung ương. Đồng thời, chủ động nghiên cứu, rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp của tỉnh; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đề xuất, kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương quan tâm, tạo điều kiện để, ban hành những cơ chế, chính sách đặc thù đủ mạnh để tỉnh Bắc Ninh tự tin cùng cả nước tiến mạnh trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc; sớm đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030 và đến năm 2045 là thành phố xanh, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc.</p>				

Phụ lục III**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2026 – 2030***(Kèm theo Chương trình hành động số 261 /CTr-UBND ngày 31/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Công trình/Dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (ĐVT: Tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
I	Dự án sử dụng vốn đầu tư công	85.411	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh 293, đoạn từ thành phố Bắc Giang đến tuyến nhánh vào chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc Giang	1.800	2025-2028
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh 293, đoạn qua Tân An (Km7+400-:-Km8+400) và đoạn từ Ngã 3 vào chùa Vĩnh Nghiêm (Km13+300) đến ngã 3 Khám Lạng, tỉnh Bắc Ninh	3.600	2026-2029
3	Cầu vượt tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng kết nối đường H1 với đường Lê Thái Tổ	2.983	2026 - 2030
4	Dự án thành phần 7: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận tỉnh Bắc Ninh thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	1.066	2025 - 2027
5	Xây dựng đường dẫn và Cầu Kim Chân (từ ĐT.398 đi ĐT.285B)	6.334	2026-2030
6	Tuyến vành đai 2 TPBG (QL.31 - vòng xuyên giao với đường Võ Nguyên Giáp)	5.560	2026-2030
7	Xây dựng mới ĐT.296B đoạn từ ĐT.398 kết nối ĐT.285B	1.585	2027-2030
8	Cầu vượt đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (Km127+500) và đường nối Khu công nghiệp Quang Châu với đường tỉnh 298B, tỉnh Bắc Ninh	2.046	2025-2029
9	Tuyến đường tỉnh 398 từ nút giao với ĐT.299 đến QL.31	7.557	2026-2030
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.398 đoạn từ Cầu Xuân Cầm đến ĐT.295B, tỉnh Bắc Giang	5.500	2026-2030

TT	Công trình/Dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (ĐVT: Tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
11	Đường Vành Đai 4 đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Ninh (dự án quan trọng quốc gia)	5.947	2026-2030
12	Dự án ĐTXD cầu Kênh Vàng và đường dẫn hai đầu cầu kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương cũ (nay là Hải Phòng mới); (Dự án kết nối, liên vùng)	2.183	2026-2030
13	Dự án đầu tư tuyến đường Vành đai 5 - Vùng thủ đô Hà Nội đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Ninh (đoạn giáp ranh tỉnh Thái Nguyên đến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn)	22.490	2026-2031
14	Đường Vành đai 5 – Vùng thủ đô Hà Nội đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Ninh (Đoạn từ Thành phố Hải Phòng đến cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn)	14.825	2026-2030
15	Dự án đầu tư xây dựng cầu Vân Hà, kết nối Phường Vân Hà với phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	419,8	2025 - 2027
16	Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ, bãi sông đoạn từ K48+800+K49+300, K49+840+K50 100 đê hữu Cầu, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	345.000	2026-2030
17	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở mái bờ kênh sông Ngũ Huyện Khê các xã: Tiên Du, Tam Đa, Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	320.000	2026-2030
18	Xây dựng khẩn cấp trạm bơm Đức Mại, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh	500.000	2026-2030
19	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt trượt, thâm lậu, sủi đùn thân, nền đê và cải tạo, nâng cấp đê tả Cầu đoạn K0-K10 xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh	350.000	2026-2030
II	Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	268.159	
1	Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình	196.378	GD1: 2025-2030 GD2: 2030-2050
2	Dự án xây dựng tuyến đường kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với Thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh) theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT), thanh toán bằng quỹ đất	50.254	2026-2027

TT	Công trình/Dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (ĐVT: Tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
3	Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối trực tiếp Cảng hàng không quốc tế Gia Bình theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT), thanh toán bằng quỹ đất	4.098	2025-2026
4	Dự án tái định cư phục vụ Cảng quốc tế hàng không Gia Bình theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT), thanh toán bằng quỹ đất	12.243	2025-2026
5	Dự án đầu tư xây dựng các công trình phục vụ giải phóng mặt bằng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT), thanh toán bằng quỹ đất	5.186	2025-2026
6	Khu thương mại tự do thế hệ mới (FTZ) gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình		2025-2026
III	Dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách	630.412	
1	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, du lịch, sinh thái, văn hóa, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí trên địa bàn TP Từ Sơn cũ (Tiểu khu 112.3), tỉnh Bắc Ninh	11.171	2025-2032
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới phía Tây Bắc TP Bắc Ninh cũ (Khu 1)	41.271	2025-2032
3	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, du lịch, sinh thái, văn hóa, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí trên địa bàn huyện Tiên Du cũ (Tiểu khu 112.1).	19.714	2025-2032
4	Khu đô thị mới sinh thái, nghỉ dưỡng và dịch vụ giải trí tại xã Liên Bảo, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du cũ.	13.680	2025-2032
5	Khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng thuộc quy hoạch phân khu khu đô thị, du lịch sinh thái thể thao Khuôn Thân (phân khu A)	7.467	2025-2032
6	Khu đô thị sinh thái và nghỉ dưỡng thuộc quy hoạch phân khu khu đô thị, du lịch sinh thái thể thao Khuôn Thân (phân khu C)	13.458	2026-2035
7	Khu đô thị sinh thái và thể dục thể thao thuộc quy hoạch phân khu khu đô thị, du lịch sinh thái thể thao Khuôn Thân (phân khu B)	8.540	2025-2033
8	Khu đô thị hỗn hợp và chợ quốc tế Bắc Giang	30.656	2026-2032

TT	Công trình/Dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (ĐVT: Tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
9	Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu Công nghệ thông tin tập trung tỉnh Bắc Ninh	10.766	2025-2034
10	Cảng cạn Đồng Sơn	1.151	GD1: Quý I/2029 GD2: Quý I/2035
11	Cảng Cạn Sen Hồ	699	Giai đoạn I: 2025-2027
12	Đầu tư xây dựng Cảng cạn Châu Phong	5.740	2025-2032
13	Cụm Cảng Trung Kênh với quy mô dự kiến khoảng 150 ha	5.000	Từ năm 2026
14	Dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa Đại Lai	4.780	Từ năm 2026
15	Dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa Yên Hà	1.134	Từ năm 2026
16	Hoàn thành chỉ tiêu về phát triển nhà ở xã hội theo Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp gđ 2021-2030” được Thủ tướng Chính phủ	166.702	2026 - 2030
17	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Yên Lư	2.692	2026-2028
18	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Phúc	3.731	2026-2028
19	Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Song Mai - Nghĩa Trung	2.806	2026-2028
20	Dự án đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hoà Yên	3.745	2026-2028
21	Dự án ĐT phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Quế Võ II- Giai đoạn 2	2.992	2026-2028
22	Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Quế Võ III - Phân khu 2	2.779	2026-2028
23	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Thuận Thành III - Phân khu C	1.986	2026-2028
24	Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Quế Võ mở rộng 2	1.878	2026-2028

TT	Công trình/Dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (ĐVT: Tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
25	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp An Việt - Quế Võ 6	600	2026-2028
26	Dự án nhà máy Samsung Display Việt Nam	186.966	2026-2029
27	Dự án nhà máy sản xuất, lắp ráp và thử nghiệm vật liệu, thiết bị bán dẫn	37.582	2026-2030
28	Dự án nhà máy sản xuất Hana Micron vina	15.506	2026-2030
29	Dự án nhà máy công nghệ chính xác Fulian	15.400	2026-2030
30	Công ty TNHH Luxshare-ICT (Bắc Ninh)	7.800	Quý IV/2025 - Quý II/2027
31	Nhà máy sản xuất các sản phẩm điện tử Yili Việt Nam	7.020	Quý IV/2025 - Quý IV/2026